



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thủ Đức, ngày 29 tháng 5 năm 2025

BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Tên doanh nghiệp: Công ty cổ phần Kho vận Tân Cảng

Địa chỉ trụ sở chính: Cảng Tân Cảng – Cát Lái, Phường Cát Lái, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0309532497 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 04/01/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 03/5/2024.

Hôm nay, vào 09 giờ 00 phút ngày 29 tháng 5 năm 2025, tại Hội trường lầu 4 Công ty, Cổng C, Cảng Tân Cảng – Cát Lái, Phường Cát Lái, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, Công ty cổ phần Kho vận Tân Cảng tổ chức Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2025.

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ VÀ TÍNH HỢP LỆ CỦA ĐẠI HỘI:

1. Thành phần tham dự:

- Các Ông/Bà là thành viên Hội đồng quản trị; thành viên Ban kiểm soát; thành viên Ban giám đốc của Công ty.
- Các cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông theo danh sách cổ đông chốt ngày **25/4/2025**.

2. Tính hợp lệ của Đại hội:

Công ty đã mời họp theo Điều 139-141 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ Công ty (Công ty đã gửi thư mời họp cho 100% cổ đông theo danh sách chốt của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam).

Tại thời điểm khai mạc Đại hội lúc 9 giờ 02' ngày 29/5/2025, số cổ đông tham dự đại hội gồm:

- Số lượng đại biểu tham dự: 115 người. Tổng số cổ phần do các cổ đông tham dự và ủy quyền là: 14.693.366 cổ phần, chiếm 73,50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
- Các cổ đông tham dự và người được ủy quyền có đầy đủ tư cách tham dự cuộc họp.

Căn cứ Khoản 1 Điều 21 Điều lệ công ty, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 đủ điều kiện để tiến hành.

II. DIỄN TIẾN ĐẠI HỘI:

A. THỦ TỤC KHAI MẠC CUỘC HỌP:

1. Ông **Bùi Ngọc Tú** thay mặt Ban tổ chức ĐHĐCĐ tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu tham dự.

2. Bà **Nguyễn Thị Thúy Nga** – Đại diện Ban kiểm tra tư cách đại biểu công bố tỷ lệ tham dự đại hội.

3. Ông **Bùi Ngọc Tú** giới thiệu số lượng và danh sách Đoàn chủ tọa gồm 03 thành viên:

- (1) Ông Ngô Văn Ngự - Chủ tịch HĐQT - Chủ tọa
- (2) Ông Đỗ Thanh Trường - Thành viên HĐQT - Giám đốc - Thành viên
- (3) Ông Đoàn Phi - Thành viên HĐQT - PGĐ - Thành viên

Biểu quyết: 14.693.366 phiếu biểu quyết (tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự) thông qua bằng phương thức biểu quyết công khai.

4. Ông **Ngô Văn Ngự** (Chủ tọa) đề cử Thư ký và Ban kiểm phiếu như sau:

- Thư ký đại hội: Bà Hồ Thanh Hiền
- Ban kiểm phiếu gồm 03 thành viên:

- (1) Ông Trần Hải Dương - Trưởng ban
- (2) Ông Lê Hải Hùng - Thành viên
- (3) Ông Trần Đức Toại - Thành viên

Biểu quyết: 14.693.366 phiếu biểu quyết (tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự) thông qua bằng phương thức biểu quyết công khai.

5. Ông **Ngô Văn Ngự** thông qua Quy chế làm việc của Đại hội.

Biểu quyết: 14.693.366 phiếu biểu quyết (tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự) thông qua bằng phương thức biểu quyết công khai.

6. Ông **Ngô Văn Ngự** thông qua Chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Biểu quyết: 14.693.366 phiếu biểu quyết (tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự) thông qua bằng phương thức biểu quyết công khai.

B. TRÌNH BÀY CÁC BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ CÁC TỜ TRÌNH XIN Ý KIẾN ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG:

1. Ông **Đỗ Thanh Trường** trình bày Báo cáo của Hội đồng quản trị (HĐQT) tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 về hoạt động của HĐQT, kết quả sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2024 và kế hoạch SXKD năm 2025.

1.1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024:

a. Kết quả SXKD năm 2024 (Số liệu hợp nhất):

Đơn vị tính: triệu đồng.

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Năm 2024		
				Thực hiện	% HTKH	% so cùng kỳ
1	Tổng doanh thu, thu nhập thuần	948.670	952.901	1.068.368	112,1%	112,6%
1.1	Doanh thu bán hàng	929.060	943.597	1.059.623	112,3%	114,1%
1.2	Doanh thu hoạt động tài chính	12.299	7.601	8.330	109,6%	67,7%
1.3	Thu nhập khác	7.601	1.703	361	21,2%	4,7%
1.4	Lãi lỗ trong công ty liên danh, liên kết	(289)	-	55	-	-
2	Tổng chi phí	822.008	825.941	933.849	113,1%	113,6%
2.1	Giá vốn hàng bán	707.015	711.209	806.292	113,4%	114,0%
2.2	Chi phí tài chính	2.783	1.798	1.584	88,1%	56,9%
2.3	Chi phí bán hàng	33.291	36.914	41.023	111,1%	123,2%
2.4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	75.822	74.571	83.765	112,3%	110,5%
2.5	Chi phí khác	3.097	1.448	1.185	81,8%	38,2%
3	Lợi nhuận trước thuế	126.662	126.960	134.519	106,0%	106,2%
3.1	Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.961	28.835	32.186	111,6%	111,1%
3.2	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	290	0	(243)	-	-
4	Lợi nhuận sau thuế	97.412	98.125	102.576	104,5%	105,3%

b. Kết quả SXKD năm 2024 (Số liệu công ty mẹ):

- Sản lượng:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Năm 2024		
				Thực hiện	% HTKH	% so cùng kỳ
1	Sản lượng kho (tấn)	1.099.934	1.144.720	1.314.489	114,8%	119,5%
2	Sản lượng bãi (teus)	720.513	746.983	747.024	100,0%	103,7%
3	Sản lượng VTVN (cont)	15.493	16.252	16.243	99,9%	104,8%

- Chỉ tiêu SXKD năm 2024:

Đơn vị tính: triệu đồng.

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Năm 2024		
				Thực hiện	% HTKH	% so cùng kỳ
1	Tổng doanh thu, thu nhập thuần	786.022	811.144	878.864	108,3%	111,8%
1.1	Doanh thu bán hàng	768.219	795.754	863.833	108,6%	112,4%
1.2	Doanh thu hoạt động tài chính	17.201	13.690	14.712	107,5%	85,5%
1.3	Thu nhập khác	602	1700	318	18,7%	52,9%
2	Tổng chi phí	676.284	695.937	754.831	108,5%	111,6%
2.1	Giá vốn hàng bán	583.914	603.794	654.857	108,5%	112,1%
2.2	Chi phí tài chính	1.485	100	79	78,6%	5,3%
2.3	Chi phí bán hàng	25.287	28.300	29.984	106,0%	118,6%
2.4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	63.175	62.793	69.445	110,6%	109,9%
2.5	Chi phí khác	2.423	950	467	49,2%	19,0%
3	Lợi nhuận trước thuế	109.738	115.207	124.033	107,7%	113,0%
3.1	Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.258	25.103	28.079	111,9%	115,8%
3.2	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	290	0	-243	-	-
4	Lợi nhuận sau thuế	85.190	90.104	96.197	106,8%	112,9%

c. Kết quả hoạt động đầu tư năm 2024 như sau: Đơn vị tính: triệu đồng.

STT	Công trình – Thiết bị	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Tỷ lệ
I	Đầu tư xây dựng cơ bản (Theo tên công trình)	-	-	-
II	Đầu tư thiết bị, công nghệ (Theo tên thiết bị) (a+b)	33.498	21.838	65,2%
a	Đầu tư thiết bị	22.268	11.918	53,5%
1	Mua 03 xe ĐKNB (Nhóm 1)	7.746	7.746	100,0%
2	Mua 17 mooc 40	4.172	4.172	100,0%
3	Mua 03 xe đầu kéo nội bộ (nhóm 2)	9.000	0	0%
4	Mua 03 mooc nội bộ 45'	1.350	0	0%
b	Đầu tư công nghệ	11.230	9.920	88.3%
1	Thiết bị, hạ tầng mạng phục vụ triển khai công tự động	1.750	1.750	100,0%
2	Phát triển phần mềm triển khai công tự động	1.950	1.950	100,0%
3	Các yêu cầu mới phát sinh của eWMS (Kho CFS và KNQ)	2.420	2.420	100,0%
4	Phát triển bổ sung tính năng phần mềm eWMS 2024	1.500	1.500	100,0%
5	Bổ sung tính năng trên handheld cho xe nâng dầu	610	0	0%
6	Thiết bị phủ sóng không dây khu kho hàng	3.000	2.300	76,7%
III	Đầu tư góp vốn	3.600	3.600	100,0%
1	Góp vốn vào Công ty Depot Kho Vận Tân Cảng	3.600	3.600	100,0%
Tổng (I+II+III)		37.098	25.438	68,6%

Kết quả đầu tư năm 2024 (bằng chữ): Hai mươi lăm tỷ, bốn trăm ba tám triệu đồng.

1.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025:

a. Kế hoạch SXKD năm 2025 (Số liệu hợp nhất): Đơn vị tính: triệu đồng.

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Kế hoạch 2025	
			Giá trị	% so với cùng kỳ
1	Tổng doanh thu, thu nhập thuần	1.068.368	1.145.381	107,2%
1.1	Doanh thu bán hàng	1.059.623	1.136.012	107,2%
1.2	Doanh thu hoạt động tài chính	8.330	8.558	102,7%
1.3	Thu nhập khác	361	515	142,8%
1.4	Lãi lỗ trong công ty liên danh, liên kết	55	295	536,3%
2	Tổng chi phí	933.849	1.000.285	107,1%
2.1	Giá vốn hàng bán	806.292	866.930	107,5%
2.2	Chi phí tài chính	1.584	1.076	68,0%
2.3	Chi phí bán hàng	41.023	39.129	95,4%
2.4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	83.765	91.772	109,6%
2.5	Chi phí khác	1.185	1.378	116,3%
3	Lợi nhuận trước thuế	134.519	145.095	107,9%
3.1	Chi phí thuế TNDN hiện hành	32.186	35.951	111,7%
3.2	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(243)	-	-
4	Lợi nhuận sau thuế	102.576	109.145	106,4%

b. Kế hoạch SXKD năm 2025 (Số liệu Công ty mẹ):

- Kế hoạch sản lượng năm 2025:

Đơn vị tính: triệu đồng.

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Kế hoạch 2025	
			Giá trị	% so với cùng kỳ
1	Sản lượng kho (tấn)	1.314.489	1.353.923	103,0%
1.1	Kho CFS nhập	775.165	796.870	102,8%
1.2	Kho CFS xuất	502.167	517.582	103,1%

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Kế hoạch 2025	
			Giá trị	% so với cùng kỳ
1.3	Kho ngoại quan	37.158	39.471	106,2%
2	Sản lượng bãi (teus)	747.024	782.683	104,8%
2.1	Khu hàng trung chuyển	126.790	132.019	104,1%
2.2	Khu bãi hàng	548.902	576.347	105,0%
2.3	Depot Tân cảng Suối Tiên	71.332	74.318	104,2%
3	Sản lượng VTVN (cont)	16.243	17.900	110,2%

- Chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2025:

Đơn vị tính: triệu đồng.

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Kế hoạch 2025	
			Giá trị	% so với cùng kỳ
1	Tổng doanh thu, thu nhập thuần	878.864	949.285	108,0%
1.1	Doanh thu bán hàng	863.833	935.475	108,3%
1.2	Doanh thu hoạt động tài chính	14.712	13.310	90,5%
1.3	Thu nhập khác	318	500	157,0%
2	Tổng chi phí	754.831	815.223	108,0%
2.1	Giá vốn hàng bán	654.857	712.215	108,8%
2.2	Chi phí tài chính	79	32	41,1%
2.3	Chi phí bán hàng	29.984	27.812	92,8%
2.4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	69.445	74.413	107,2%
2.5	Chi phí khác	467	750	160,6%
3	Lợi nhuận trước thuế	124.033	134.062	108,1%
3.1	Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.079	30.170	107,5%

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Kế hoạch 2025	
			Giá trị	% so với cùng kỳ
3.2	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-243	-	-
4	Lợi nhuận sau thuế	96.197	103.891	108,0%

c. Kế hoạch hoạt động đầu tư năm 2025:

Đơn vị tính: triệu đồng.

STT	Công trình - Thiết bị	Tổng mức đầu tư	Năm 2025
I	Đầu tư xây dựng cơ bản	9.400	9.400
1	Canopy (Kho 5 của 27 & kho 01)	2.300	2.300
2	Nhà sạc bình điện mới	6.500	6.500
3	Bổ sung hệ thống PCCC văn phòng kho 5	600	600
II	Đầu tư thiết bị, công nghệ (theo tên thiết bị công nghệ) (a+b)	57.400	29.890
a	Đầu tư thiết bị	40.050	12.540
1	Mua 03 mooc nội bộ 45'	1.350	1.350
2	Mua 03 xe đầu kéo nội bộ (Nhóm 2)	9.000	9.000
3	01 xe nâng điện ngoài kho 05T	1.700	1.700
4	Mua 02 xe nâng hàng	28.000	490
b	Đầu tư công nghệ	17.350	17.350
1	Thay thế hệ thống camera kho 05	3.800	3.800
2	Bổ sung camera cho kho 2,3 (Camera nhiệt)	2.500	2.500
3	Bổ sung tính năng phần mềm eWMS 2025	3.800	3.800
4	License tường lửa + chương trình diệt	850	850

STT	Công trình - Thiết bị	Tổng mức đầu tư	Năm 2025
	virut		
5	Hệ thống chống trộm các kho	3.000	3.000
6	APS khu kho, bãi hàng	1.000	1.000
7	Lắp đặt camera khu bãi hàng (GS an ninh), Kho 711	700	700
8	Nâng cấp hệ thống lưu trữ camera khu kho hàng	1.200	1.200
9	Thiết kế mới website	500	500
TỔNG (I+II)		66.800	39.290

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Nga – Trưởng Ban kiểm soát trình bày Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

3. Ông Đoàn Phi – Thành viên HĐQT- PGĐ trình bày Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán (Báo cáo tài chính công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C).

4. Ông Đoàn Phi – Thành viên HĐQT- PGĐ trình bày Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, mức chia cổ tức năm 2024 và kế hoạch năm 2025.

4.1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024:

- + Tổng lợi nhuận thực hiện năm 2024 : 124.032.831.169 đồng
- + Thuế TNDN hiện hành : 28.078.663.498 đồng
- + Thuế TNDN hoãn lại : (243.074.622) đồng
- + Tổng lợi nhuận sau thuế : 96.197.242.293 đồng (1)
- + Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn góp : 48,1%

Theo Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 và kết quả SXKD năm 2024, lợi nhuận phân phối được trích như sau:

- + Trích quỹ đầu tư phát triển : 15.945.929.137 đồng (2)
- + Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi : 33.634.467.156 đồng (3)
- + Trích Quỹ thưởng Người quản : 637.500.000 đồng (4)
- + Lợi nhuận phân phối năm 2024 = (1)-(2)-(3)-(4): 45.979.346.000 đồng

Chia cổ tức năm 2024:

Căn cứ vào kết quả SXKD năm 2024 và lợi nhuận lũy kế đến ngày 31/12/2024, Công ty cổ phần Kho vận Tân Cảng chi cổ tức như sau:

+ LNST chưa phân phối năm 2024	:	45.979.346.000 đồng
+ Chia cổ tức 23% trên vốn điều lệ	:	45.979.346.000 đồng
+ Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế còn lại:		0 đồng
+ Hình thức chi trả cổ tức	:	Bằng tiền
+ Thời gian chi trả cổ tức	:	Dự kiến từ tháng 06/2025

4.2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025:

Năm 2025, lợi nhuận sau khi thực hiện các nghĩa vụ về thuế cho Nhà nước và loại trừ các khoản giảm trừ dự kiến trình ĐHĐCĐ phân phối như sau :

+ Tổng LNST kế hoạch năm	:	103.891.323.685 đồng
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	:	23.640.010.529 đồng
+ Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi(*)	:	33.634.467.156 đồng
+ Trích Quỹ thưởng Người quản lý(*)	:	637.500.000 đồng
+ Lợi nhuận chia cổ tức (23%/Vốn điều lệ):		45.979.346.000 đồng
+ Lợi nhuận chưa phân phối còn lại	:	0 đồng
+ Hình thức chi trả cổ tức	:	Bằng tiền
+ Thời gian chi trả cổ tức: Giao HĐQT lựa chọn thời điểm chi trả cổ tức hợp lý.		

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ thưởng Người quản lý thực hiện năm 2025 của Công ty sẽ được điều chỉnh căn cứ vào kết quả SXKD thực hiện năm 2025 theo Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh và xã hội.

5. Ông Đoàn Phi – Thành viên HĐQT- PGĐ trình bày Tờ trình về việc chi trả thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2024 và kế hoạch năm 2025.

5.1. Thù lao chi trả HĐQT, Ban kiểm soát năm 2024:

Năm 2024, tổng mức thù lao đã chi trả cho các thành viên HĐQT, BKS là 360.000.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm sáu mươi triệu đồng*), trong đó:

STT	Chức danh	Số lượng (người)	Thù lao (đồng/người/tháng)	Tổng cộng (đồng/người/năm)
I	Hội đồng quản trị			
1	Chủ tịch HĐQT(*)	01	0	0
2	Thành viên HĐQT	04	5.000.000	60.000.000

II	Ban kiểm soát			
1	Trưởng Ban kiểm soát	01	5.000.000	60.000.000
2	Thành viên BKS	02	2.500.000	30.000.000

(*) Chủ tịch HĐQT làm việc theo chế độ chuyên trách.

5.2. Kế hoạch chi trả lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2025.

Tổng mức thù lao dự kiến chi trả cho các thành viên HĐQT, BKS năm 2025 là 372.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi hai triệu đồng), trong đó:

STT	Chức danh	Số lượng (người)	Thù lao (đồng/người/tháng)	Tổng cộng (đồng/người/năm)
I	Hội đồng quản trị			
1	Chủ tịch HĐQT(*)	01	0	0
2	Thành viên HĐQT	04	5.000.000	60.000.000
II	Ban kiểm soát			
1	Trưởng Ban kiểm soát	01	5.000.000	60.000.000
2	Thành viên BKS	02	3.000.000	36.000.000

6. Ông Đoàn Phi – Thành viên HĐQT- PGĐ trình bày Tờ trình về việc đề nghị chấp thuận, phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao và tiền thưởng thực hiện năm 2024 và kế hoạch 2025.

6.1. Thực hiện năm 2024:

Đơn vị tính: đồng.

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024
1	Quỹ tiền lương thực hiện năm 2024 của người lao động	168.700.000.000	181.400.000.000
2	Quỹ tiền lương và thù lao thực hiện năm 2024 của NQL	4.560.000.000	5.460.000.000
2.1	Quỹ tiền lương của NQL chuyên trách	4.200.000.000	5.100.000.000
2.2	Quỹ thù lao của người quản lý không chuyên trách	360.000.000	360.000.000
3	Quỹ tiền thưởng năm 2024 của NQL	525.000.000	637.500.000

6.2. Kế hoạch năm 2025:*Đơn vị tính: đồng.*

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2025
1	Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2025 của người lao động	193.700.000.000
2	Quỹ tiền lương và thù lao kế hoạch năm 2025 của NQL	5.472.000.000
2.1	Quỹ tiền lương của NQL chuyên trách	5.100.000.000
2.2	Quỹ thù lao của NQL không chuyên trách	372.000.000
3	Quỹ tiền thưởng năm 2025 của NQL:	637.500.000

7. Ông Đoàn Phi – Thành viên HĐQT- PGĐ trình bày Tờ trình về việc sửa đổi Điều lệ công ty (xem Tài liệu Đại hội).

8. Ông Đoàn Phi – Thành viên HĐQT- PGĐ trình bày Tờ trình về việc sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (xem Tài liệu Đại hội).

9. Ông Đoàn Phi – Thành viên HĐQT- PGĐ trình bày Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ III (2020 – 2024) và bầu cử thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ IV (2025 – 2029).

9.1. Miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát đối với tất cả thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ III (2020 – 2024). Lý do miễn nhiệm: hết nhiệm kỳ.

9.2. Thông qua số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ IV (2025 – 2029) là 05 thành viên. Nhiệm kỳ của từng thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.

9.3. Thông qua Danh sách ứng cử viên bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ IV (2025 – 2029), bao gồm:

- (1) Ông Trịnh Văn Mọi
- (2) Ông Ngô Văn Ngự
- (3) Ông Đoàn Phi
- (4) Ông Trần Quang Thảo
- (5) Ông Đỗ Thanh Trường

9.4. Thông qua số lượng thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ IV (2024 – 2029) là 03 thành viên. Nhiệm kỳ của từng thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát.

9.5. Thông qua Danh sách ứng cử viên bầu thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ IV (2025 – 2029), bao gồm:

(1) Bà Nguyễn Thị Thúy Nga

(2) Bà Đỗ Phương Thảo

(3) Bà Đặng Thùy Trang

10. Ông Đoàn Phi – Thành viên HĐQT- PGĐ trình bày Tờ trình về việc đề nghị chấp thuận việc ký kết các hợp đồng, giao dịch của công ty với Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn (công ty mẹ):

Đại hội đồng cổ đông chấp thuận việc ký kết các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty và Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân cảng Sài Gòn (Cổ đông lớn sở hữu 59,01% vốn điều lệ - Công ty mẹ) thực hiện trong năm 2025 đến thời điểm họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, cụ thể như sau:

10.1. Phạm vi hợp đồng, giao dịch:

+ Các hợp đồng, giao dịch của Công ty với Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất.

+ Các hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản giữa Công ty với Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân cảng Sài Gòn có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.

10.2. Nội dung hợp đồng, giao dịch bao gồm: Cung cấp/nhận cung cấp các dịch vụ trung chuyển, xếp dỡ, lưu bãi, vận chuyển, móc cáp, vệ sinh, sửa chữa container; thuê/cho thuê thiết bị, phương tiện xếp dỡ, vận chuyển; hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng; hợp đồng quảng bá thương hiệu...

10.3. Giao cho Giám đốc công ty triển khai đàm phán, ký kết các hợp đồng, phụ lục hợp đồng, giao dịch nêu trên, trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo lợi ích của công ty.

11. Bà Nguyễn Thị Thúy Nga – Trưởng ban kiểm soát trình bày tờ trình về việc chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025.

11.1. Tiêu thức lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập:

+ Chọn đơn vị kiểm toán có uy tín, được UBCKNN chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các tổ chức niêm yết;

+ Không xung đột về quyền lợi khi thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho công ty;

+ Có mức phí kiểm toán hợp lý phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ theo yêu cầu của công ty.

11.2. Đề xuất đơn vị kiểm toán:

+ Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) - Chi nhánh Hà Nội;

+ Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;

+ Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

- + Công ty TNHH PWC Việt Nam
- + Công ty TNHH KPMG Việt Nam.

11.3. Giao cho Hội đồng quản trị quyết định việc chọn một trong các công ty kiểm toán nêu trên, giao cho Giám đốc Công ty ký hợp đồng theo quy định.

C. ĐẠI HỘI THẢO LUẬN:

Các đại biểu tham dự đại hội đặt câu hỏi trực tiếp cho Đoàn Chủ tịch và được Đoàn Chủ tịch trả lời tại Đại hội.

D. ĐẠI HỘI BIỂU QUYẾT VÀ CÔNG BỐ KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT:

Đến thời điểm 10 giờ 25 phút, khi tiến hành biểu quyết thông qua các nội dung, cổ đông tham dự và cổ đông được ủy quyền tham dự là 146 đại biểu, đại diện cho 14.774.492 cổ phần, tương đương 73,91% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Ông **Trần Hải Dương** – **Trưởng Ban kiểm phiếu** công bố kết quả biểu quyết.

E. CÁC NỘI DUNG ĐÃ ĐƯỢC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025 THÔNG QUA (PHƯƠNG THỨC BỎ PHIẾU KÍN):

Tổng số phiếu phát ra: 148 tờ phiếu, đại diện cho 14.774.492 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tính trên số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Trong đó:

Có 2 đại biểu (Ông Ngô Văn Ngự và Ông Đoàn Phi) có 2 tờ phiếu biểu quyết:

+ *Phiếu biểu quyết đại diện cho số cổ phiếu sở hữu cá nhân và nhận ủy quyền của Công ty TNHH MTV TCT Tân Cảng Sài Gòn bị hạn chế biểu quyết nội dung 10;*

+ *Phiếu biểu quyết đại diện cho số cổ phiếu sở hữu nhận ủy quyền của cổ đông khác không bị hạn chế biểu quyết nội dung 10.*

Tổng số phiếu thu về: 136 tờ phiếu, đại diện cho 14.769.245 phiếu biểu quyết, chiếm 99,9645% tính trên số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số phiếu không thu về: 12 tờ phiếu, đại diện cho 5.247 phiếu biểu quyết, chiếm 0,0355% tính trên số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 23 Điều lệ công ty và khoản 1, 2 Điều 148 Luật Doanh nghiệp năm 2020, các nội dung sau đây đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua:

1. Thông qua qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động của HĐQT, kết quả sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2024 và kế hoạch SXKD năm 2025:

Ý kiến biểu quyết	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự
a. Phiếu biểu quyết thu về hợp lệ	14.766.701	99,9473%
- Tán thành	14.766.701	99,9473%
- Không tán thành	0	0%
- Không có ý kiến	0	0%
b. Phiếu biểu quyết thu về không hợp lệ	2.544	0,0172%
Tổng cộng	14.769.245	99,9645%

2. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024:

Ý kiến biểu quyết	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự
a. Phiếu biểu quyết thu về hợp lệ	14.766.701	99,9473%
- Tán thành	14.766.701	99,9473%
- Không tán thành	0	0%
- Không có ý kiến	0	0%
b. Phiếu biểu quyết thu về không hợp lệ	2.544	0,0172%
Tổng cộng	14.769.245	99,9645%

3. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 (công ty mẹ và hợp nhất) đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C chi nhánh Hà Nội:

Ý kiến biểu quyết	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự
a. Phiếu biểu quyết thu về hợp lệ	14.766.701	99,9473%
- Tán thành	14.766.701	99,9473%
- Không tán thành	0	0%
- Không có ý kiến	0	0%
b. Phiếu biểu quyết thu về không hợp lệ	2.544	0,0172%

Ý kiến biểu quyết	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự
Tổng cộng	14.769.245	99,9645%

4. Thông qua Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, mức chia cổ tức năm 2024 và kế hoạch năm 2025:

Ý kiến biểu quyết	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự
a. Phiếu biểu quyết thu về hợp lệ	14.766.701	99,9473%
- Tán thành	14.766.701	99,9473%
- Không tán thành	0	0%
- Không có ý kiến	0	0%
b. Phiếu biểu quyết thu về không hợp lệ	2.544	0,0172%
Tổng cộng	14.769.245	99,9645%

5. Thông qua Tờ trình về việc chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2024 và kế hoạch năm 2025:

Ý kiến biểu quyết	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự
a. Phiếu biểu quyết thu về hợp lệ	14.766.701	99,9473%
- Tán thành	14.762.238	99,9171%
- Không tán thành	0	0%
- Không có ý kiến	4.463	0,0302%
b. Phiếu biểu quyết thu về không hợp lệ	2.544	0,0172%
Tổng cộng	14.769.245	99,9645%

6. Thông qua Tờ trình về việc đề nghị chấp thuận, phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao và tiền thưởng thực hiện năm 2024 và kế hoạch năm 2025:

Ý kiến biểu quyết	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự
a. Phiếu biểu quyết thu về hợp lệ	14.766.701	99,9473%

Ý kiến biểu quyết	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự
- Tán thành	14.762.238	99,9171%
- Không tán thành	0	0%
- Không có ý kiến	4.463	0,0302%
b. Phiếu biểu quyết thu về không hợp lệ	2.544	0,0172%
Tổng cộng	14.769.245	99,9645%

7. Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi Điều lệ công ty:

Ý kiến biểu quyết	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự
a. Phiếu biểu quyết thu về hợp lệ	14.766.701	99,9473%
- Tán thành	14.762.238	99,9171%
- Không tán thành	0	0%
- Không có ý kiến	4.463	0,0302%
b. Phiếu biểu quyết thu về không hợp lệ	2.544	0,0172%
Tổng cộng	14.769.245	99,9645%

8. Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT:

Ý kiến biểu quyết	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự
a. Phiếu biểu quyết thu về hợp lệ	14.766.701	99,9473%
- Tán thành	14.762.238	99,9171%
- Không tán thành	0	0%
- Không có ý kiến	4.463	0,0302%
b. Phiếu biểu quyết thu về không hợp lệ	2.544	0,0172%
Tổng cộng	14.769.245	99,9645%

9. Thông qua Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ III (2020 – 2024) và bầu cử thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ IV (2025 – 2029):

Ý kiến biểu quyết	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự
a. Phiếu biểu quyết thu về hợp lệ	14.766.701	99,9473%
- Tán thành	14.766.701	99,9473%
- Không tán thành	0	0%
- Không có ý kiến	0	0%
b. Phiếu biểu quyết thu về không hợp lệ	2.544	0,0172%
Tổng cộng	14.769.245	99,9645%

10. Thông qua Tờ trình về việc đề nghị chấp thuận việc ký kết các hợp đồng, giao dịch của Công ty với Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn (công ty mẹ):

Đối với nội dung này, số cổ phần có quyền biểu quyết (sau khi loại số phiếu biểu quyết của các cổ đông có lợi ích liên quan - Công ty TNHH MTV TCT Tân Cảng Sài Gòn) là: **2.962.373** cổ phần.

TT	Tên đại biểu	Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân	Số cổ phần đại diện theo ủy quyền của TCT Tân Cảng Sài Gòn	Số cổ phần hạn chế biểu quyết
1	Ngô Văn Ngự	0	7.196.767	7.196.767
2	Đỗ Thanh Trường	3.823	3.001.001	3.004.824
3	Đoàn Phi	2.490	799.641	802.131
4	Trần Quang Thảo	3.509	799.641	803.150
TỔNG		9.822	11.797.050	11.806.872

*Số lượng cổ phần không có quyền biểu quyết là **11.806.872** cổ phần (Bao gồm số lượng CP Của TCT Tân Cảng Sài Gòn và CP sở hữu của cá nhân có liên quan đến TCT - Người đại diện theo ủy quyền)*

Ý kiến biểu quyết	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự
a. Phiếu biểu quyết thu về hợp lệ	2.959.829	99,7375%
- Tán thành	2.959.829	99,7375%
- Không tán thành	0	0%

Ý kiến biểu quyết	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự
- Không có ý kiến	0	0%
b. Phiếu biểu quyết thu về không hợp lệ	2.544	0,0857%
Tổng cộng	2.962.373	99,8232%

11. Thông qua Tờ trình về việc chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2025:

Ý kiến biểu quyết	Số phiếu biểu quyết	Tỷ lệ trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự
a. Phiếu biểu quyết thu về hợp lệ	14.766.701	99,9473%
- Tán thành	14.762.238	99,9171%
- Không tán thành	0	0%
- Không có ý kiến	4.463	0,0302%
b. Phiếu biểu quyết thu về không hợp lệ	2.544	0,0172%
Tổng cộng	14.769.245	99,9645%

F. CÁC NỘI DUNG ĐÃ ĐƯỢC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025 THÔNG QUA:

STT	Nội dung đã được thông qua	Tỷ lệ tán thành
1	Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động của HĐQT, kết quả sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2024 và kế hoạch SXKD năm 2025	99,9473%
2	Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024	99,9473%
3	Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán	99,9473%
4	Thông qua Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, mức chia cổ tức năm 2024 và kế hoạch năm 2025	99,9473%
5	Thông qua Tờ trình về việc chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2024 và kế hoạch năm 2025	99,9171%

STT	Nội dung đã được thông qua	Tỷ lệ tán thành
6	Thông qua Tờ trình về việc đề nghị chấp thuận, phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao và tiền thưởng thực hiện năm 2024 và kế hoạch năm 2025	99,9171%
7	Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi Điều lệ công ty	99,9171%
8	Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị	99,9171%
9	Thông qua Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ III (2020 – 2024) và bầu cử thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ IV (2025 – 2029)	99,9473%
10	Thông qua Tờ trình về việc đề nghị chấp thuận ký kết hợp đồng, giao dịch với Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn (công ty mẹ)	99,7375%
11	Thông qua Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025	99,9171%

G. ĐẠI HỘI TIỀN HÀNH BẦU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT (NHIỆM KỲ 2025-2029) THEO PHƯƠNG THỨC BẦU DÒN PHIẾU, BỎ PHIẾU KÍN.

Ông Ngô Văn Ngự thông qua Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử, thành viên hội đồng quản trị và ban kiểm soát nhiệm kỳ IV (2025 – 2029).

Biểu quyết: 14.774.492 phiếu biểu quyết (tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự) thông qua bằng phương thức biểu quyết công khai.

Đại hội tiến hành bỏ phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát với kết quả như sau:

Họ và tên	Vị trí ứng cử	Số phiếu bầu	Tỷ lệ
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
Trịnh Văn Mọi	Thành viên HĐQT	14.739.037	99,7600%
Ngô Văn Ngự	Thành viên HĐQT	14.772.568	99,9870%
Đoàn Phi	Thành viên HĐQT	14.765.388	99,9384%
Trần Quang Thảo	Thành viên HĐQT	14.765.125	99,9366%
Đỗ Thanh Trường	Thành viên HĐQT	14.793.008	100,1253%

Họ và tên	Vị trí ứng cử	Số phiếu bầu	Tỷ lệ
BAN KIỂM SOÁT			
Nguyễn Thị Thúy Nga	Thành viên BKS	14.760.166	99,9030%
Đỗ Phương Thảo	Thành viên BKS	14.759.653	99,8996%
Đặng Thùy Trang	Thành viên BKS	14.758.120	99,8892%

Như vậy, Hội đồng quản trị nhiệm kỳ IV (2025 – 2029) của Công ty Cổ phần Kho Vận Tân Cảng gồm 05 thành viên sau:

- Ông Ngô Văn Ngự
- Ông Đỗ Thanh Trường
- Ông Đoàn Phi
- Ông Trần Quang Thảo
- Ông Trịnh Văn Mọi

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ IV (2025 – 2029) đã họp và bầu Ông Ngô Văn Ngự giữ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ban kiểm soát nhiệm kỳ IV (2025 – 2029) của Công ty Cổ phần Kho Vận Tân Cảng gồm 03 thành viên sau:

- Bà Nguyễn Thị Thúy Nga
- Bà Đỗ Phương Thảo
- Bà Đặng Thùy Trang

Ban kiểm soát nhiệm kỳ IV (2025 – 2029) đã họp và bầu Bà Nguyễn Thị Thúy Nga giữ chức danh Trưởng ban kiểm soát.

H. THÔNG QUA BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI.

Thư ký đọc biên bản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, không ai có ý kiến gì thêm.

Biểu quyết: 14.774.492 phiếu biểu quyết (tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự) thông qua bằng phương thức biểu quyết công khai.

Biên bản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 đã được thông qua với tỷ lệ biểu quyết nhất trí 100%.

Cuộc họp kết thúc vào lúc 11 giờ 45 phút cùng ngày./.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI

CHỦ TỌA



Hồ Thanh Hiền



Ngô Văn Ngự

Số: 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ

Thủ Đức, ngày 29 tháng 5 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Kho vận Tân Cảng;

Căn cứ Biên bản họp số 01/2025/BB-ĐHĐCĐ ngày 29/5/2025 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Kho vận Tân Cảng.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động của HĐQT, kết quả SXKD năm 2024 và kế hoạch SXKD năm 2025 (Báo cáo đính kèm). Cụ thể như sau:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024:

a) Kết quả SXKD năm 2024 (Số liệu hợp nhất): Đơn vị tính: triệu đồng.

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Năm 2024		
				Thực hiện	% HTKH	% so cùng kỳ
1	Tổng doanh thu, thu nhập thuần	948.670	952.901	1.068.368	112,1%	112,6%
1.1	Doanh thu bán hàng	929.060	943.597	1.059.623	112,3%	114,1%
1.2	Doanh thu hoạt động tài chính	12.299	7.601	8.330	109,6%	67,7%
1.3	Thu nhập khác	7.601	1.703	361	21,2%	4,7%
1.4	Lãi lỗ trong công ty liên danh, liên kết	(289)	-	55	-	-

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Năm 2024		
				Thực hiện	% HTKH	% so cùng kỳ
2	Tổng chi phí	822.008	825.941	933.849	113,1%	113,6%
2.1	Giá vốn hàng bán	707.015	711.209	806.292	113,4%	114,0%
2.2	Chi phí tài chính	2.783	1.798	1.584	88,1%	56,9%
2.3	Chi phí bán hàng	33.291	36.914	41.023	111,1%	123,2%
2.4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	75.822	74.571	83.765	112,3%	110,5%
2.5	Chi phí khác	3.097	1.448	1.185	81,8%	38,2%
3	Lợi nhuận trước thuế	126.662	126.960	134.519	106,0%	106,2%
3.1	Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.961	28.835	32.186	111,6%	111,1%
3.2	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	290	0	(243)	-	-
4	Lợi nhuận sau thuế	97.412	98.125	102.576	104,5%	105,3%
1	Tổng doanh thu, thu nhập thuần	948.670	952.901	1.068.368	112,1%	112,6%

b) Kết quả SXKD năm 2024 (Số liệu công ty mẹ):
- Sản lượng:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Năm 2024		
				Thực hiện	% HTKH	% so cùng kỳ
1	Sản lượng kho (tấn)	1.099.934	1.144.720	1.314.489	114,8%	119,5%
2	Sản lượng bãi (teus)	720.513	746.983	747.024	100,0%	103,7%
3	Sản lượng VTVN (cont)	15.493	16.252	16.243	99,9%	104,8%

pr

- Chỉ tiêu SXKD năm 2024:

Đơn vị tính: triệu đồng.

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Năm 2024		
				Thực hiện	% HTKH	% so cùng kỳ
1	Tổng doanh thu, thu nhập thuần	786.022	811.144	878.864	108,3%	111,8%
1.1	Doanh thu bán hàng	768.219	795.754	863.833	108,6%	112,4%
1.2	Doanh thu hoạt động tài chính	17.201	13.690	14.712	107,5%	85,5%
1.3	Thu nhập khác	602	1700	318	18,7%	52,9%
2	Tổng chi phí	676.284	695.937	754.831	108,5%	111,6%
2.1	Giá vốn hàng bán	583.914	603.794	654.857	108,5%	112,1%
2.2	Chi phí tài chính	1.485	100	79	78,6%	5,3%
2.3	Chi phí bán hàng	25.287	28.300	29.984	106,0%	118,6%
2.4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	63.175	62.793	69.445	110,6%	109,9%
2.5	Chi phí khác	2.423	950	467	49,2%	19,0%
3	Lợi nhuận trước thuế	109.738	115.207	124.033	107,7%	113,0%
3.1	Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.258	25.103	28.079	111,9%	115,8%
3.2	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	290	0	-243	-	-
4	Lợi nhuận sau thuế	85.190	90.104	96.197	106,8%	112,9%

c) Kết quả hoạt động đầu tư năm 2024 như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng.

STT	Công trình – Thiết bị	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Tỷ lệ
I	Đầu tư xây dựng cơ bản (Theo tên công trình)	-	-	-
II	Đầu tư thiết bị, công nghệ (Theo tên thiết bị) (a+b)	33.498	21.838	65,2%
a	Đầu tư thiết bị	22.268	11.918	53,5%
1	Mua 03 xe ĐKNB (Nhóm 1)	7.746	7.746	100,0%
2	Mua 17 mooc 40	4.172	4.172	100,0%
3	Mua 03 xe đầu kéo nội bộ (nhóm 2)	9.000	0	0%
4	Mua 03 mooc nội bộ 45'	1.350	0	0%
b	Đầu tư công nghệ	11.230	9.920	88,3%
1	Thiết bị, hạ tầng mạng phục vụ triển khai cổng tự động	1.750	1.750	100,0%
2	Phát triển phần mềm triển khai cổng tự động	1.950	1.950	100,0%
3	Các yêu cầu mới phát sinh của eWMS (Kho CFS và KNQ)	2.420	2.420	100,0%
4	Phát triển bổ sung tính năng phần mềm eWMS 2024	1.500	1.500	100,0%
5	Bổ sung tính năng trên handheld cho xe nâng dầu	610	0	0%
6	Thiết bị phủ sóng không dây khu kho hàng	3.000	2.300	76,7%
III	Đầu tư góp vốn	3.600	3.600	100,0%
1	Góp vốn vào Công ty Depot Kho Vận Tân Cảng	3.600	3.600	100,0%
Tổng (I+II+III)		37.098	25.438	68,6%

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025:

a) Kế hoạch SXKD năm 2025 (Số liệu hợp nhất): Đơn vị tính: triệu đồng.

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Kế hoạch 2025	
			Giá trị	% so với cùng kỳ
1	Tổng doanh thu, thu nhập thuần	1.068.368	1.145.381	107,2%
1.1	Doanh thu bán hàng	1.059.623	1.136.012	107,2%
1.2	Doanh thu hoạt động tài chính	8.330	8.558	102,7%
1.3	Thu nhập khác	361	515	142,8%
2	Tổng chi phí	55	295	536,3%
2.1	Giá vốn hàng bán	933.849	1.000.285	107,1%
2.2	Chi phí tài chính	806.292	866.930	107,5%
2.3	Lãi lỗ trong công ty liên danh, liên kết	1.584	1.076	68,0%
2.4	Chi phí bán hàng	41.023	39.129	95,4%
2.5	Chi phí quản lý doanh nghiệp	83.765	91.772	109,6%
2.6	Chi phí khác	1.185	1.378	116,3%
3	Lợi nhuận trước thuế	134.519	145.095	107,9%
3.1	Chi phí thuế TNDN hiện hành	32.186	35.951	111,7%
3.2	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(243)	-	-
4	Lợi nhuận sau thuế	102.576	109.145	106,4%

b) Kế hoạch SXKD năm 2025 (Số liệu Công ty mẹ):

- Kế hoạch sản lượng năm 2025:

Đơn vị tính: triệu đồng.

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Kế hoạch 2025	
			Giá trị	% so với cùng kỳ
1	Sản lượng kho (tấn)	1.314.489	1.353.923	103,0%
1.1	Kho CFS nhập	775.165	796.870	102,8%
1.2	Kho CFS xuất	502.167	517.582	103,1%
1.3	Kho ngoại quan	37.158	39.471	106,2%

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Kế hoạch 2025	
			Giá trị	% so với cùng kỳ
2	Sản lượng bãi (teus)	747.024	782.683	104,8%
2.1	Khu hàng trung chuyển	126.790	132.019	104,1%
2.2	Khu bãi hàng	548.902	576.347	105,0%
2.3	Depot Tân cảng Suối Tiên	71.332	74.318	104,2%
3	Sản lượng VTVN (cont)	16.243	17.900	110,2%

- Chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2025:

Đơn vị tính: triệu đồng.

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Kế hoạch 2025	
			Giá trị	% so với cùng kỳ
1	Tổng doanh thu, thu nhập thuần	878.864	949.285	108,0%
1.1	Doanh thu bán hàng	863.833	935.475	108,3%
1.2	Doanh thu hoạt động tài chính	14.712	13.310	90,5%
1.3	Thu nhập khác	318	500	157,0%
2	Tổng chi phí	754.831	815.223	108,0%
2.1	Giá vốn hàng bán	654.857	712.215	108,8%
2.2	Chi phí tài chính	79	32	41,1%
2.3	Chi phí bán hàng	29.984	27.812	92,8%
2.4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	69.445	74.413	107,2%
2.5	Chi phí khác	467	750	160,6%
3	Lợi nhuận trước thuế	124.033	134.062	108,1%

17

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Kế hoạch 2025	
			Giá trị	% so với cùng kỳ
3.1	Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.079	30.170	107,5%
3.2	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-243	-	-
4	Lợi nhuận sau thuế	96.197	103.891	108,0%

c) Kế hoạch hoạt động đầu tư năm 2025 như sau: Đơn vị tính: triệu đồng.

STT	Công trình - Thiết bị	Tổng mức đầu tư	Năm 2025
I	Đầu tư xây dựng cơ bản	9.400	9.400
1	Canopy (Kho 5 của 27 & kho 01)	2.300	2.300
2	Nhà sạc bình điện mới	6.500	6.500
3	Bổ sung hệ thống PCCC văn phòng kho 5	600	600
II	Đầu tư thiết bị, công nghệ (theo tên thiết bị công nghệ) (a+b)	57.400	29.890
a	Đầu tư thiết bị	40.050	12.540
1	Mua 03 mooc nội bộ 45'	1.350	1.350
2	Mua 03 xe đầu kéo nội bộ (Nhóm 2)	9.000	9.000
3	01 xe nâng điện ngoài kho 05T	1.700	1.700
4	Mua 02 xe nâng hàng	28.000	490
b	Đầu tư công nghệ	17.350	17.350
1	Thay thế hệ thống camera kho 05	3.800	3.800
2	Bổ sung camera cho kho 2,3 (Camera nhiệt)	2.500	2.500
3	Bổ sung tính năng phần mềm eWMS 2025	3.800	3.800

PT

STT	Công trình - Thiết bị	Tổng mức đầu tư	Năm 2025
4	License tường lửa + chương trình diệt virus	850	850
5	Hệ thống chống trộm các kho	3.000	3.000
6	APS khu kho, bãi hàng	1.000	1.000
7	Lắp đặt camera khu bãi hàng (GS an ninh), Kho 711	700	700
8	Nâng cấp hệ thống lưu trữ camera khu kho hàng	1.200	1.200
9	Thiết kế mới website	500	500
TỔNG (I+II)		66.800	39.290

Điều 2. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024.

Điều 3. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C tại Hà Nội.

Điều 4. Thông qua việc phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, mức chia cổ tức năm 2024 và kế hoạch năm 2025. Cụ thể như sau:

1. Phân phối lợi nhuận năm 2024:

a) Phương án phân phối lợi nhuận:

- + Tổng lợi nhuận thực hiện năm 2024: 124.032.831.169 đồng
- + Thuế TNDN hiện hành: 28.078.663.498 đồng
- + Thuế TNDN hoãn lại: (243.074.622) đồng
- + Tổng lợi nhuận sau thuế: 96.197.242.293 đồng (1)
- + Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn góp: 48,1%

Theo Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 và kết quả SXKD năm 2024, lợi nhuận phân phối được trích như sau:

- + Trích Quỹ đầu tư phát triển: 15.945.929.137 đồng (2)
- + Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 33.634.467.156 đồng (3)
- + Trích Quỹ thưởng Người quản lý: 637.500.000 đồng (4)
- + LNST chưa phân phối năm 2024 = (1)-(2)-(3)-(4): 45.979.346.000 đồng

b) Chia cổ tức năm 2024:

Căn cứ vào kết quả SXKD năm 2024 và lợi nhuận lũy kế đến ngày

31/12/2024, Công ty cổ phần Kho vận Tân Cảng chi cổ tức như sau:

- + LNST chưa phân phối năm 2024: 45.979.346.000 đồng
- + Chi cổ tức tỷ lệ 23% trên vốn điều lệ: 45.979.346.000 đồng
- + Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế còn lại: 0 đồng
- + Hình thức chi trả cổ tức: Bằng tiền
- + Thời gian chi trả cổ tức: Dự kiến từ tháng 06/2025

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025:

Năm 2025, lợi nhuận sau khi thực hiện các nghĩa vụ về thuế cho Nhà nước và loại trừ các khoản giảm trừ dự kiến trình ĐHĐCĐ phân phối như sau:

- + Tổng LNST kế hoạch năm 2025: 103.891.323.685 đồng
- + Trích Quỹ đầu tư phát triển: 23.640.010.529 đồng
- + Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi(*): 33.634.467.156 đồng
- + Trích Quỹ thưởng Người quản lý(*): 637.500.000 đồng
- + Lợi nhuận chia cổ tức (23%/Vốn điều lệ): 45.979.346.000 đồng
- + LNST chưa phân phối còn lại: 0 đồng
- + Hình thức chi trả cổ tức: Bằng tiền
- + Thời gian chi trả cổ tức: Giao HĐQT lựa chọn thời điểm chi trả cổ tức hợp lý.

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ thưởng Người quản lý thực hiện năm 2025 của Công ty sẽ được điều chỉnh căn cứ vào kết quả SXKD thực hiện năm 2025 theo Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh và xã hội.

Điều 5. Thông qua việc chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2024 và kế hoạch năm 2025. Cụ thể như sau:

1. Thù lao HĐQT, BKS năm 2024:

Năm 2024, tổng mức thù lao đã chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS là 360.000.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm sáu mươi triệu đồng*), trong đó:

STT	Chức danh	Số lượng (người)	Thù lao (đồng/người/tháng)	Tổng cộng (đồng/người/năm)
I	Hội đồng quản trị			
1	Chủ tịch HĐQT(*)	01	0	0
2	Thành viên HĐQT	04	5.000.000	60.000.000
II	Ban kiểm soát			
1	Trưởng Ban kiểm soát	01	5.000.000	60.000.000

STT	Chức danh	Số lượng (người)	Thù lao (đồng/người/tháng)	Tổng cộng (đồng/người/năm)
2	Thành viên BKS	02	2.500.000	30.000.000

(*) Chủ tịch HĐQT làm việc theo chế độ chuyên trách.

2. Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2025:

Tổng mức thù lao dự kiến chi trả cho các thành viên HĐQT, BKS năm 2025 là 372.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi hai triệu đồng), trong đó:

STT	Chức danh	Số lượng (người)	Thù lao (đồng/người/tháng)	Tổng cộng (đồng/người/năm)
I	Hội đồng quản trị			
1	Chủ tịch HĐQT(*)	01	0	0
2	Thành viên HĐQT	04	5.000.000	60.000.000
II	Ban kiểm soát			
1	Trưởng Ban kiểm soát	01	5.000.000	60.000.000
2	Thành viên BKS	02	3.000.000	36.000.000

(*) Chủ tịch HĐQT làm việc theo chế độ chuyên trách.

Điều 6. Chấp thuận, phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao và tiền thưởng thực hiện năm 2024 và kế hoạch 2025. Cụ thể như sau:

1. Thực hiện năm 2024:

Đơn vị tính: đồng.

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024
1	Quỹ tiền lương thực hiện năm 2024 của người lao động	168.700.000.000	181.400.000.000
2	Quỹ tiền lương và thù lao thực hiện năm 2024 của NQL	4.560.000.000	5.460.000.000
2.1	<i>Quỹ tiền lương của NQL chuyên trách</i>	<i>4.200.000.000</i>	<i>5.100.000.000</i>
2.2	<i>Quỹ thù lao của người quản lý không chuyên trách</i>	<i>360.000.000</i>	<i>360.000.000</i>
3	Quỹ tiền thưởng năm 2024 của NQL	525.000.000	637.500.000

Handwritten signature

2. Kế hoạch năm 2025:

Đơn vị tính: đồng.

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2025
1	Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2025 của người lao động	193.700.000.000
2	Quỹ tiền lương và thù lao kế hoạch năm 2025 của NQL	5.472.000.000
2.1	Quỹ tiền lương của NQL chuyên trách	5.100.000.000
2.2	Quỹ thù lao của NQL không chuyên trách	372.000.000
3	Quỹ tiền thưởng năm 2025 của NQL:	637.500.000

Điều 7. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ công ty.

Điều 8. Thông qua việc sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 9. Thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ III (2020 – 2024) và bầu cử thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ IV (2025 – 2029). Cụ thể như sau:

1. Miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát đối với tất cả thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ III (2020 – 2024). Lý do miễn nhiệm: hết nhiệm kỳ.

Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ III (2020 – 2024) bao gồm:

- (1) Ông Ngô Văn Ngự
- (2) Ông Đỗ Thanh Trường
- (3) Ông Đoàn Phi
- (4) Ông Trần Quang Thảo
- (5) Ông Trịnh Văn Mọi

Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ III (2020 – 2024) bao gồm:

- (1) Bà Nguyễn Thị Thúy Nga
- (2) Bà Nguyễn Thị Huyền
- (3) Bà Nguyễn Thị Hồng Vân

2. Bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ IV (2025 – 2029) với kết quả như sau:

Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ IV (2025 – 2029) bao gồm:

- (1) Ông Ngô Văn Ngự
- (2) Ông Đỗ Thanh Trường
- (3) Ông Đoàn Phi

(4) Ông Trần Quang Thảo

(5) Ông Trịnh Văn Mọi

Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ IV (2025 – 2029) bao gồm:

(1) Bà Nguyễn Thị Thúy Nga

(2) Bà Đỗ Phương Thảo

(3) Bà Đặng Thùy Trang

Nhiệm kỳ của từng thành viên Hội đồng quản trị/thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị/thành viên Ban kiểm soát.

Điều 10. Chấp thuận việc ký kết các hợp đồng, giao dịch của Công ty với Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn (công ty mẹ).

Đại hội đồng cổ đông chấp thuận việc ký kết các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty và Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn (Cổ đông lớn sở hữu 59,01% vốn điều lệ - Công ty mẹ) thực hiện trong năm 2025 đến thời điểm họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, cụ thể như sau:

1. Phạm vi hợp đồng, giao dịch:

a) Các hợp đồng, giao dịch của Công ty với Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất.

b) Các hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản giữa Công ty với Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.

2. Nội dung hợp đồng, giao dịch bao gồm: Cung cấp/nhận cung cấp các dịch vụ trung chuyển, xếp dỡ, lưu bãi, vận chuyển, móc cáp, vệ sinh, sửa chữa container, điện, nước; thuê/cho thuê thiết bị, phương tiện xếp dỡ, vận chuyển; hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng); Hợp đồng quảng bá thương hiệu...

3. Giao cho Giám đốc công ty triển khai đàm phán, thương thảo ký kết các hợp đồng, phụ lục hợp đồng và các giao dịch đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích của Công ty.

Điều 11. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2025. Cụ thể như sau:

1. Tiêu thức lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập:

a) Chọn đơn vị kiểm toán có uy tín, được UBCKNN chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng trong lĩnh vực chứng khoán.

b) Không xung đột về quyền lợi khi thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

c) Có mức phí kiểm toán hợp lý phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ theo yêu cầu của Công ty.


2. Thông qua Danh sách các công ty kiểm toán lựa chọn:

- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) - Chi nhánh Hà Nội
- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
- Công ty TNHH PWC Việt Nam
- Công ty TNHH KPMG Việt Nam

3. Giao cho Hội đồng quản trị quyết định việc chọn một trong các công ty kiểm toán nêu trên, giao cho Giám đốc Công ty ký hợp đồng theo quy định.

Điều 12. Điều khoản thi hành.

1. Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 29/5/2025.

2. Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị và Ban điều hành căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch tài chính năm 2025 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua để triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết này đúng quy định pháp luật và Điều lệ công ty./. 

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- HĐQT, BKS, Ban GD Công ty;
- Lưu: Hồ sơ Đại hội.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH**




Ngô Văn Ngự

